



**CÔNG TY ĐẤU GIÁ
HỢP DANH ĐÔNG DƯƠNG**

ĐÔNG DƯƠNG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Trụ sở chính: 14A Phan Đăng Lưu, Quy Nhơn, Gia Lai
ĐT: 0256.2200569-Fax: 0256.3547029-ĐD: 091.4024837
Website: www.daugiataisandongduong.com
Số: ~~147~~/QCCĐG-DD

Gia Lai, ngày 15 tháng 9 năm 2025

QUY CHẾ CUỘC ĐẤU GIÁ

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai số 31/2024/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số 28/2025/QĐ-UBND ngày 25/3/2025 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số 91/2025/HĐDVĐGTS ngày 15/9/2025 được ký kết giữa các bên gồm:

I. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH ĐÔNG DƯƠNG

Địa chỉ trụ sở chính: Số 14A đường Phan Đăng Lưu, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.

II. Đơn vị được giao tổ chức thực hiện việc đấu giá QSDD:

BAN QUẢN LÝ PHƯỜNG AN NHƠN

Địa chỉ: Tổ dân phố Thiết Tràng, phường An Nhơn, tỉnh Gia Lai.

Nay Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương ban hành quy chế cuộc đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất ở, với các nội dung như sau:

1. Tài sản đấu giá và giá khởi điểm:

1.1. Tài sản đấu giá: 95 lô đất ở tại các điểm dân cư, khu dân cư trên địa bàn phường An Nhơn, cụ thể như sau:

- 93 lô đất ở tại khu dân cư Đông Bàn Thành 3, khu vực Bả Canh, phường An Nhơn, tỉnh Gia Lai (trước đây là phường Đập Đá, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định);

- 02 lô đất ở tại điểm dân cư thôn Bắc Nhạn Tháp, phường An Nhơn, tỉnh Gia Lai (trước đây là xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định);

Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị;

Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất;

Phương thức giao đất: Giao đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất;

Thời hạn sử dụng đất sau khi trúng đấu giá quyền sử dụng đất: Ổn định lâu dài;



Đầu tư hạ tầng kỹ thuật: Được xây dựng theo dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

Kèm theo Sơ đồ quy hoạch chi tiết.

1.2. Ký hiệu lô đất, vị trí, tên đường, lộ giới, diện tích, giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá và bước giá của từng lô đất: Đính kèm theo Bảng chi tiết.

1.3. Giấy tờ về quyền sở hữu, sử dụng tài sản đấu giá:

- Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 của UBND phường An Nhơn về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất ở tại địa bàn phường An Nhơn năm 2025 – (đợt 1);

- Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND phường An Nhơn về việc đấu giá quyền sử dụng đất ở trên địa bàn phường An Nhơn năm 2025 – (đợt 1).

2. Nộp, trả lại tiền đặt trước và tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá:

2.1. Tiền đặt trước và tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá:

- Thời gian nộp tiền đặt trước: Bắt đầu từ 08 giờ ngày 16/9/2025 đến 17 giờ ngày 29/9/2025 (tiền phải báo có trong tài khoản);

- Địa điểm nộp tiền đặt trước: Tài khoản của Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương, gồm:

+ Tài khoản số: 2345 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Phú Tài;

+ Tài khoản số: 1135799999 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Quy Nhơn;

+ Tài khoản số: 102 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Bình Định;

+ Ngoài ra người tham gia đấu giá có thể nộp các tài khoản khác của Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương theo quy định pháp luật;

- Người tham gia đấu giá nộp hoặc chuyển khoản tiền đặt trước vào tài khoản, số tiền nộp bắt buộc phải đúng bằng số tiền đã quy định của lô đất đấu giá;

+ Đối với chuyển tiền bằng Internet Banking thì phần nội dung chuyển tiền phải thể hiện họ tên đầy đủ của người tham gia đấu giá;

+ Đối với trường hợp người khác nộp tiền thay cho người tham gia đấu giá thì phần nội dung nộp tiền phải thể hiện họ tên đầy đủ của người tham gia đấu giá;

- Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá: Người tham gia đấu giá nộp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương (số tài khoản: 111002775169 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Phú Tài) khi mua hồ sơ mời tham gia đấu giá;

- Phí nộp hoặc chuyển tiền: Người tham gia đấu giá phải chịu (nếu có);

- Người tham gia đấu giá ghi nội dung nộp tiền vào tài khoản:

+ Nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá QSD đất ở phường An Nhơn;

+ Nộp tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá QSD đất ở phường An Nhơn.

2.2. Trả lại khoản tiền đặt trước:

- Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương có trách nhiệm trả lại khoản tiền đặt trước cho người không trúng đấu giá trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá hoặc trong thời hạn khác theo thỏa thuận, trừ trường hợp tại mục 8 của Quy chế này;

- Phương thức trả lại tiền đặt trước: Chuyển trả vào tài khoản của người tham gia đấu giá hoặc tài khoản do người tham gia đấu giá đề nghị hoặc bằng hình thức khác theo thỏa thuận;

- Phí trả lại tiền: Người tham gia đấu giá phải chịu (nếu có).

3. Thời gian, địa điểm thực hiện việc đấu giá tài sản:

3.1. Thời gian, địa điểm xem tài sản:

- Thời gian: Liên tục kể từ ngày 16/9/2025 đến 17 giờ ngày 01/10/2025;

- Địa điểm:

+ Tại Trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương (xem giấy tờ và tài liệu liên quan);

+ Tại các khu dân cư Đông Bàn Thành 3, khu vực Bả Canh và điểm dân cư thôn Bắc Nhạn Tháp, phường An Nhơn, tỉnh Gia Lai (xem hiện trạng).

3.2. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, đăng ký tham gia đấu giá:

- Tại Trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương: Bắt đầu từ 08 giờ đến 17 giờ ngày 29/9/2025;

- Tại số 320 đường Trần Phú, phường Bình Định, tỉnh Gia Lai: Bắt đầu từ 08 giờ đến 17 giờ ngày 29/9/2025;

- Tại Trung tâm học tập cộng đồng phường An Nhơn; Địa chỉ: Số 209 đường Nguyễn Lữ, phường An Nhơn, tỉnh Gia Lai: Bắt đầu từ 08 giờ đến 17 giờ ngày 29/9/2025.

3.3. Thời gian, địa điểm nộp phiếu trả giá:

- Tại Trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương: Bắt đầu từ 08 giờ ngày 16/9/2025 đến 11 giờ 30 phút ngày 29/9/2025;

- Tại số 320 đường Trần Phú, phường Bình Định, tỉnh Gia Lai: Bắt đầu từ 08 giờ đến 16 giờ ngày 29/9/2025;

- Tại Trung tâm học tập cộng đồng phường An Nhơn; Địa chỉ: Số 209 đường Nguyễn Lữ, phường An Nhơn, tỉnh Gia Lai: Bắt đầu từ 08 giờ đến 17 giờ ngày 29/9/2025.

3.4. Thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá: Bắt đầu lúc 07 giờ 30 phút ngày 02/10/2025, tại Trung tâm học tập cộng đồng phường An Nhơn; Địa chỉ: Số 209 đường Nguyễn Lữ, phường An Nhơn, tỉnh Gia Lai.

4. Điều kiện, cách thức tham gia đấu giá:

* Người tham gia đấu giá là cá nhân thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất quy định tại Điều 119 của Luật Đất đai năm 2024 và quy định khác của pháp luật có liên quan;

* Người tham gia đấu giá phải nộp hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ của một lô đất đấu giá cho Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương là: 01 Phiếu đăng ký tham gia đấu giá, kèm theo:

- 01 Bản phô tô thẻ căn cước công dân;
- 01 Chứng từ nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá;
- 01 Chứng từ nộp tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá;

Hồ sơ tham gia đấu giá được nộp và bỏ trực tiếp vào thùng đựng hồ sơ và phiếu trả giá. Việc niêm phong và mở niêm phong thùng đựng hồ sơ và phiếu trả giá thực hiện theo điểm 5.2.1 mục 5 của Quy chế cuộc đấu giá này;

* Người tham gia đấu giá nộp 01 phiếu trả giá gián tiếp;

* Đấu giá tài sản là hình thức trả giá có từ 02 người trở lên tham gia theo nguyên tắc, trình tự, thủ tục được quy định;

* Người tham gia đấu giá:

- Phải đủ năng lực hành vi dân sự và quyền đại diện tham gia đấu giá;
- Phải bảo đảm tính độc lập, trung thực, khách quan trong quá trình tham gia đấu giá;

- Không thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của Luật Đấu giá tài sản năm 2016, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản năm 2024;

* Người đăng ký tham gia đấu giá phải đọc, điền đầy đủ các thông tin liên quan, ký, ghi rõ họ tên vào phiếu đăng ký tham gia đấu giá do Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương phát hành;

* Người đăng ký tham gia đấu giá phải tự mình hoặc uỷ quyền cho người khác tham gia đấu giá bằng văn bản theo quy định của pháp luật. Việc uỷ quyền phải có công chứng hoặc chứng thực theo quy định;

* Người đăng ký tham gia đấu giá (hoặc người được uỷ quyền) phải tham gia phiên đấu giá đúng ngày, giờ đã được thông báo, niêm yết công khai;

* Phải xuất trình giấy tờ tùy thân để kiểm tra;

* Người không đăng ký tham gia đấu giá không được vào phòng đấu giá. Trừ các trường hợp được đấu giá viên điều hành phiên đấu giá đồng ý;

* Người được uỷ quyền tham gia đấu giá phải xuất trình văn bản uỷ quyền; tuân thủ, thực hiện các quyền và nghĩa vụ trong phạm vi uỷ quyền theo quy định;

* Người đăng ký tham gia đấu giá không được sử dụng chất kích thích, không mang theo vũ khí, chất cháy nổ khi vào phòng đấu giá;

* Vào phòng đấu giá phải ăn mặc lịch sự, gọn gàng, không hút thuốc;

* Khi vào phòng đấu giá phải giữ trật tự, ngồi đúng vị trí hướng dẫn, không đi lại lộn xộn, không được trao đổi, trò chuyện, lớn tiếng, phát ngôn thiếu văn hoá;

* Không sử dụng điện thoại di động hoặc bất kỳ phương tiện thông tin truyền thông nào khác trong phòng đấu giá;

* Không tranh luận với đấu giá viên điều hành phiên đấu giá.

5. Bước giá, hình thức, phương thức đấu giá:

5.1. Bước giá: Bước giá là mức chênh lệch giữa lần trả giá đầu tiên so với giá khởi điểm hoặc giữa lần trả giá sau so với lần trả trước giá liền kề. Trong các vòng đấu giá, người tham gia đấu giá trả giá tròn bước giá.

5.2. Hình thức đấu giá: Kết hợp giữa đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp với đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại phiên đấu giá, cụ thể như sau:

5.2.1. Đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp theo trình tự sau đây:

- Nhận phiếu trả giá: Khi mua hồ sơ mời tham gia đấu giá, người tham gia đấu giá được nhận phiếu trả giá, hướng dẫn về cách ghi phiếu;

- Phiếu trả giá hợp lệ và trình tự trả giá:

- + Người tham gia đấu giá phải tự mình ghi, điền đầy đủ, đúng, chính xác các thông tin, ký, ghi rõ họ tên vào phiếu trả giá;

- + Phiếu trả giá bắt buộc phải viết cùng 01 màu mực không bay màu, không được gạch bỏ, sửa chữa, tẩy xóa;

- + Số tiền trả giá bằng số phải đúng với số tiền bằng chữ;

- + Giá trả hợp lệ: Người tham gia đấu giá trả giá ít nhất phải bằng giá khởi điểm hoặc cao hơn giá khởi điểm ít nhất là 01 bước giá, cụ thể:

Nếu người tham gia đấu giá trả giá bằng giá khởi điểm thì ghi chữ: “Giá khởi điểm hoặc GKĐ”;

Nếu người tham gia đấu giá trả giá bằng bước giá thì ghi số bước giá mình muốn trả: “1, 2, 3 ...”;

- + Người trúng đấu giá là người trả giá cao nhất so với giá khởi điểm hoặc bằng giá khởi điểm trong trường hợp không có người trả giá cao hơn giá khởi điểm theo quy định tại Khoản 8 Điều 5 Luật Đấu giá tài sản năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản năm 2024;

- + Phiếu trả giá của người tham gia đấu giá phải được cho vào phong bì dán kín, có chữ ký của người trả giá tại các mép của phong bì đựng phiếu;

- + Phiếu trả giá được nộp trực tiếp và được bỏ vào thùng phiếu. Thùng phiếu phải được Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương niêm phong ngay khi hết thời hạn nhận phiếu. Việc niêm phong thùng phiếu phải lập thành văn bản, có chữ ký của đại diện Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương, đại diện Ban Quản lý phường An Nhơn, đại diện các bộ phận có liên quan (nếu có) và ít nhất 01 người tham gia đấu giá;

- Phiếu trả giá không hợp lệ là phiếu trả giá không tuân thủ đầy đủ các nội dung nêu trên và sẽ bị loại;

- Tại buổi công bố giá đã trả của người tham gia đấu giá, đấu giá viên điều hành phiên đấu giá theo trình tự sau đây:

- + Thực hiện quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 41 của Luật Đấu giá tài sản năm 2016, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản năm 2024;

- + Nhắc lại yêu cầu đối với phiếu trả giá hợp lệ, phiếu trả giá không hợp lệ;

+ Mời đại diện Ban Quản lý phường An Nhơn, đại diện các bộ phận có liên quan (nếu có) và ít nhất một người tham gia đấu giá giám sát về sự nguyên vẹn của thùng phiếu. Nếu không còn ý kiến nào khác về kết quả giám sát thì đấu giá viên tiến hành bóc niêm phong của thùng phiếu. Việc mở niêm phong thùng phiếu phải lập thành văn bản, có chữ ký của đại diện Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương, đại diện Ban Quản lý phường An Nhơn, đại diện các bộ phận có liên quan (nếu có) và ít nhất 01 người tham gia đấu giá;

+ Mời đại diện Ban Quản lý phường An Nhơn, đại diện các bộ phận có liên quan (nếu có) và ít nhất một người tham gia đấu giá giám sát sự nguyên vẹn của từng phong bì đựng phiếu trả giá;

+ Tiến hành bóc từng phong bì đựng phiếu trả giá, công bố số phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ, công bố giá trả cao nhất với sự giám sát của đại diện Ban Quản lý phường An Nhơn, đại diện các bộ phận có liên quan (nếu có) và ít nhất một người tham gia đấu giá;

Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương chọn các phiếu trả giá cao từ thứ nhất đến phiếu trả giá cao thứ ba để tổ chức thực hiện vòng đấu giá tiếp theo. Trường hợp phiên đấu giá chỉ có phiếu trả giá cao thứ nhất đến phiếu trả giá cao thứ hai thì tất cả các phiếu được chọn vào vòng đấu giá tiếp theo. Giá khởi điểm cho vòng đấu giá tiếp theo là giá của phiếu trả giá cao nhất;

Tại vòng đấu giá đầu tiên bằng bỏ phiếu trực tiếp tại phiên đấu giá, nếu tất cả người tham gia đấu giá đều ghi “bỏ, tức là không trả giá tiếp” thì người có phiếu trả giá gián tiếp cao nhất là người trúng đấu giá. Trường hợp có từ hai người trở lên cùng trả mức giá cao nhất thì đấu giá viên tổ chức bốc thăm để chọn ra người trúng đấu giá, người có số thăm lớn nhất là người trúng đấu giá.

5.2.2. Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại phiên đấu giá theo trình tự sau đây:

- Đấu giá viên điều hành phiên đấu giá theo hình thức đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại phiên đấu giá theo trình tự sau đây:

+ Thực hiện quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 1 Điều 41 của Luật Đấu giá tài sản năm 2016, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản năm 2024;

+ Nhắc lại yêu cầu đối với phiếu trả giá hợp lệ, cụ thể:

Nếu người tham gia đấu giá không trả giá tiếp thì ghi chữ “bỏ”;

Nếu người tham gia đấu giá trả giá tiếp thì ghi số bước giá mình muốn trả: “1, 2, 3”;

+ Thời gian để thực hiện việc ghi phiếu là 01 phút;

+ Điều hành việc trả giá;

- Việc trả giá được thực hiện như sau:

+ Người tham gia đấu giá được phát một tờ phiếu trả giá, ghi giá muốn trả vào phiếu của mình. Hết thời gian ghi phiếu, người tham gia đấu giá trực tiếp bỏ phiếu vào thùng phiếu; đấu giá viên kiểm đếm và công bố số phiếu phát ra, số phiếu thu về, số phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ, công bố giá trả cao nhất với sự giám sát của ít nhất một người tham gia đấu giá;

+ Đấu giá viên công bố giá cao nhất đã trả của vòng đấu giá đó và đề nghị người tham gia đấu giá tiếp tục trả giá cho vòng tiếp theo. Giá khởi điểm của vòng đấu giá tiếp theo là giá cao nhất đã trả ở vòng đấu giá trước liền kề;

+ Phiên đấu giá kết thúc khi không còn ai tham gia trả giá. Đấu giá viên công bố người trả giá cao nhất và công bố người đó là người trúng đấu giá;

+ Trường hợp có từ hai người trở lên cùng trả mức giá cao nhất, đấu giá viên tổ chức đấu giá tiếp giữa những người cùng trả giá cao nhất để chọn ra người trúng đấu giá. Nếu trong số những người có giá trả cao nhất có người tiếp tục trả giá thì đấu giá viên phát phiếu trả giá cho người đó; đấu giá viên công bố người đó là người trúng đấu giá nếu người đó có giá trả cao hơn. Nếu tất cả người có giá trả cao nhất không đồng ý đấu giá tiếp thì đấu giá viên tổ chức bốc thăm để chọn ra người trúng đấu giá, người có số thăm lớn nhất là người trúng đấu giá.

5.3. Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.

5.4. Phương thức bán: Bán riêng từng lô đất.

6. Những người sau đây không được đăng ký tham gia đấu giá:

- Người không có năng lực hành vi dân sự, người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người tại thời điểm đăng ký tham gia đấu giá không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình;

- Người làm việc trong tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thực hiện cuộc đấu giá; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của đấu giá viên điều hành phiên đấu giá; người trực tiếp giám định, định giá tài sản; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người trực tiếp giám định, định giá tài sản;

- Người được chủ sở hữu tài sản ủy quyền xử lý tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản, người ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản của người khác theo quy định của pháp luật; Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của những người này;

- Người không có quyền mua tài sản đấu giá theo quy định của pháp luật áp dụng đối với loại tài sản đó.

7. Truất quyền tham dự phiên đấu giá của người tham gia đấu giá có hành vi vi phạm:

- Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật; sử dụng giấy tờ giả mạo để đăng ký tham gia đấu giá, tham dự phiên đấu giá;

- Thông đồng, móc nối với đấu giá viên, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá khác, cá nhân, tổ chức khác để đìu giá, nâng giá, làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản;

- Cản trở hoạt động đấu giá tài sản; gây rối, mất trật tự tại phiên đấu giá;

- Đe dọa, cưỡng ép đấu giá viên, người tham gia đấu giá khác nhằm làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản;

- Nhận ủy quyền tham gia đấu giá của người tham gia đấu giá khác đối với tài sản mà mình cũng là người tham gia đấu giá tài sản đó; nhận ủy quyền tham gia đấu giá của từ hai người tham gia đấu giá trở lên đối với cùng một tài sản;

- Tham dự phiên đấu giá trong trường hợp vợ, chồng, anh ruột, chị ruột, em ruột cũng là người tham gia đấu giá đối với tài sản đó;
- Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của luật có liên quan.

8. Người tham gia đấu giá không được nhận lại tiền đặt trước trong các trường hợp sau đây:

- Đã nộp tiền đặt trước nhưng không tham dự phiên đấu giá, buổi công bố giá mà không thuộc trường hợp bất khả kháng;
- Bị truất quyền tham gia đấu giá do có hành vi vi phạm quy định tại mục 7 của Quy chế này;
- Từ chối ký biên bản đấu giá theo quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu giá tài sản năm 2016, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản năm 2024;
- Rút lại giá đã trả hoặc giá đã chấp nhận theo quy định tại Điều 50 của Luật Đấu giá tài sản năm 2016, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản năm 2024;
- Từ chối kết quả trúng đấu giá theo quy định tại Điều 51 của Luật Đấu giá tài sản năm 2016, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản năm 2024.

9. Nộp tiền sử dụng đất, hủy kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất và các khoản tài chính:

9.1. Thời hạn nộp tiền sử dụng đất:

- Người trúng đấu giá quyền sử dụng đất nộp 100% tiền sử dụng đất (sau khi trừ khoản tiền đặt trước đã nộp) trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất của cơ quan thuế;
- Trường hợp khi bàn giao đất cho người trúng đấu giá, nếu diện tích đất thực tế tăng hoặc giảm so với diện tích đã công bố trong hồ sơ đấu giá thì phải có quyết định bổ sung điều chỉnh lại quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá, số tiền phải nộp tăng lên hoặc giảm đi được tính bằng (=) giá đất trúng đấu giá nhân (x) với phần diện tích tăng hoặc giảm.

9.2. Hủy kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất:

- Kể từ thời điểm công bố kết quả trúng đấu giá thì khoản tiền đặt trước và tiền lãi (nếu có) được chuyển thành tiền đặt cọc để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất;
- Trường hợp người trúng đấu giá không nộp tiền hoặc không nộp đủ tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm 9.1 của mục này thì cơ quan thuế có trách nhiệm thông báo đến cơ quan có chức năng quản lý đất đai trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường An Nhơn hủy quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá, người trúng đấu giá không được nhận lại tiền đặt cọc. Đối với trường hợp người trúng đấu giá đã nộp nhiều hơn khoản tiền đặt cọc thì được Nhà nước hoàn trả số tiền chênh lệch nhiều hơn so với số tiền đặt cọc theo quy định.

9.3. Lệ phí trước bạ và các loại phí có liên quan sau khi trúng đấu giá: Người trúng đấu giá có nghĩa vụ nộp theo quy định hiện hành.

10. Hiệu lực thi hành:

- Người tham gia đấu giá phải tuân thủ thực hiện các nội dung của quy chế cuộc đấu giá này;

- Những nội dung không quy định trong quy chế cuộc đấu giá này thì áp dụng các quy định của pháp luật về đấu giá tài sản, pháp luật về đất đai, Quyết định số 28/2025/QĐ-UBND ngày 25/3/2025 của UBND tỉnh Bình Định và các văn bản pháp luật khác có liên quan để thực hiện;

- Trường hợp người tham gia đấu giá có hành vi vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Mọi chi tiết vui lòng liên hệ tại **Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương** để được hướng dẫn, giải thích, cung cấp giấy tờ, tài liệu và các nội dung cần thiết khác có liên quan việc đấu giá tài sản.

Nơi nhận:

- Ban Quản lý phường An Nhơn;
- UBND phường An Nhơn;
- Sở Tài chính tỉnh Gia Lai (để đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử);
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai (để đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử);
- Niêm yết, lưu hs, lưu Cty, công khai...

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Việt Hùng

BẢNG CHI TIẾT ĐẦU GIÁ QSDĐ Ở
TẠI CÁC KHU DÂN CƯ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG AN NHƠN
(Kèm theo Quy chế cuộc đấu giá số: 1147/QCCĐG-ĐĐ ngày 15/9/2025)

STT	Lô đất (số)	Tên đường	Lộ giới (m)	Diện tích (m2)	Giá khởi điểm		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
					(đồng/m2)	(đồng/lô)			
1. Khu dân cư Đông Bàn Thành 3, khu vực Bả Canh									
1.1. Khu LK-09									
1	19 (Giáp đường kỹ thuật)	Đường ĐS2	16	100,00	12.650.000	1.265.000.000	253.000.000	200.000	38.000.000
2	20	Đường ĐS2	16	100,00	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	200.000	35.000.000
3	21	Đường ĐS2	16	100,00	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	200.000	35.000.000
4	22	Đường ĐS2	16	100,00	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	200.000	35.000.000
5	23	Đường ĐS2	16	100,00	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	200.000	35.000.000
6	24	Đường ĐS2	16	100,00	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	200.000	35.000.000
7	25	Đường ĐS2	16	100,00	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	200.000	35.000.000
8	36	Đường ĐS1	15	100,00	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	200.000	35.000.000
9	37	Đường ĐS1	15	100,00	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	200.000	35.000.000
10	38	Đường ĐS1	15	100,00	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	200.000	35.000.000
11	39	Đường ĐS1	15	100,00	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	200.000	35.000.000
12	40	Đường ĐS1	15	100,00	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	200.000	35.000.000
13	41	Đường ĐS1	15	100,00	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	200.000	35.000.000
14	42	Đường ĐS1	15	100,00	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	200.000	35.000.000
15	43	Đường ĐS1	15	100,00	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	200.000	35.000.000
16	44	Đường ĐS1	15	100,00	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	200.000	35.000.000
17	45	Đường ĐS1	15	100,00	11.500.000	1.150.000.000	230.000.000	200.000	35.000.000
1.2. Khu LK-10									
18	19	Đường ĐS3	16	80,00	11.500.000	920.000.000	184.000.000	100.000	33.000.000
19	20	Đường ĐS3	16	80,00	11.500.000	920.000.000	184.000.000	100.000	33.000.000
20	21	Đường ĐS3	16	80,00	11.500.000	920.000.000	184.000.000	100.000	33.000.000
21	22	Đường ĐS3	16	80,00	11.500.000	920.000.000	184.000.000	100.000	33.000.000
22	27	Đường ĐS3	16	80,00	11.500.000	920.000.000	184.000.000	100.000	33.000.000
23	30	Đường ĐS04 (Khu dân cư Bàn Thành 2)	16	108,80	11.500.000	1.251.200.000	250.240.000	200.000	38.000.000
24	35	Đường ĐS2	16	80,00	11.500.000	920.000.000	184.000.000	100.000	33.000.000
25	36	Đường ĐS2	16	80,00	11.500.000	920.000.000	184.000.000	100.000	33.000.000
26	38	Đường ĐS2	16	80,00	11.500.000	920.000.000	184.000.000	100.000	33.000.000
27	39	Đường ĐS2	16	80,00	11.500.000	920.000.000	184.000.000	100.000	33.000.000
28	40	Đường ĐS2	16	80,00	11.500.000	920.000.000	184.000.000	100.000	33.000.000
29	41	Đường ĐS2	16	80,00	11.500.000	920.000.000	184.000.000	100.000	33.000.000
30	42	Đường ĐS2	16	80,00	11.500.000	920.000.000	184.000.000	100.000	33.000.000

STT	Lô đất (số)	Tên đường	Lộ giới (m)	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
					(đồng/m ²)	(đồng/lô)			
31	43 (Giáp đường kỹ thuật)	Đường ĐS2	16	80,00	12.650.000	1.012.000.000	202.400.000	200.000	31.000.000

1.3. Khu LK-11

32	01 (Lô góc)	Đường ĐS3 và Đường ĐS12	16, 15	77,00	13.800.000	1.062.600.000	212.520.000	200.000	32.000.000
33	02	Đường ĐS12	15	85,00	11.500.000	977.500.000	195.500.000	100.000	35.000.000
34	03	Đường ĐS12	15	85,00	11.500.000	977.500.000	195.500.000	100.000	35.000.000
35	04	Đường ĐS12	15	85,00	11.500.000	977.500.000	195.500.000	100.000	35.000.000
36	05	Đường ĐS12	15	85,00	11.500.000	977.500.000	195.500.000	100.000	35.000.000
37	06 (Lô góc)	Đường ĐS4 và Đường ĐS12	16, 15	77,00	13.800.000	1.062.600.000	212.520.000	200.000	32.000.000
38	07	Đường ĐS4	16	75,00	11.500.000	862.500.000	172.500.000	100.000	31.000.000
39	08	Đường ĐS4	16	75,00	11.500.000	862.500.000	172.500.000	100.000	31.000.000
40	09	Đường ĐS4	16	75,00	11.500.000	862.500.000	172.500.000	100.000	31.000.000
41	10	Đường ĐS4	16	75,00	11.500.000	862.500.000	172.500.000	100.000	31.000.000
42	11	Đường ĐS4	16	75,00	11.500.000	862.500.000	172.500.000	100.000	31.000.000
43	12	Đường ĐS4	16	75,00	11.500.000	862.500.000	172.500.000	100.000	31.000.000
44	13	Đường ĐS4	16	75,00	11.500.000	862.500.000	172.500.000	100.000	31.000.000
45	14	Đường ĐS4	16	75,00	11.500.000	862.500.000	172.500.000	100.000	31.000.000
46	18 (Giáp đường kỹ thuật)	Đường ĐS4	16	75,00	12.650.000	948.750.000	189.750.000	100.000	34.000.000
47	19	Đường ĐS4	16	75,00	11.500.000	862.500.000	172.500.000	100.000	31.000.000
48	20	Đường ĐS4	16	75,00	11.500.000	862.500.000	172.500.000	100.000	31.000.000
49	21	Đường ĐS4	16	75,00	11.500.000	862.500.000	172.500.000	100.000	31.000.000
50	36	Đường ĐS3	16	75,00	11.500.000	862.500.000	172.500.000	100.000	31.000.000
51	37	Đường ĐS3	16	75,00	11.500.000	862.500.000	172.500.000	100.000	31.000.000
52	38	Đường ĐS3	16	75,00	11.500.000	862.500.000	172.500.000	100.000	31.000.000
53	39	Đường ĐS3	16	75,00	11.500.000	862.500.000	172.500.000	100.000	31.000.000
54	40	Đường ĐS3	16	75,00	11.500.000	862.500.000	172.500.000	100.000	31.000.000
55	41	Đường ĐS3	16	75,00	11.500.000	862.500.000	172.500.000	100.000	31.000.000
56	42 (Giáp đường kỹ thuật)	Đường ĐS3	16	75,00	12.650.000	948.750.000	189.750.000	100.000	34.000.000
57	43 (Giáp đường kỹ thuật)	Đường ĐS3	16	75,00	12.650.000	948.750.000	189.750.000	100.000	34.000.000
58	44	Đường ĐS3	16	75,00	11.500.000	862.500.000	172.500.000	100.000	31.000.000
59	45	Đường ĐS3	16	75,00	11.500.000	862.500.000	172.500.000	100.000	31.000.000
60	46	Đường ĐS3	16	75,00	11.500.000	862.500.000	172.500.000	100.000	31.000.000
61	47	Đường ĐS3	16	75,00	11.500.000	862.500.000	172.500.000	100.000	31.000.000
62	48	Đường ĐS3	16	75,00	11.500.000	862.500.000	172.500.000	100.000	31.000.000

STT	Lô đất (số)	Tên đường	Lộ giới (m)	Diện tích (m2)	Giá khởi điểm		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
					(đồng/m2)	(đồng/lô)			
63	49	Đường ĐS3	16	75,00	11.500.000	862.500.000	172.500.000	100.000	31.000.000
64	50	Đường ĐS3	16	75,00	11.500.000	862.500.000	172.500.000	100.000	31.000.000
65	51	Đường ĐS3	16	75,00	11.500.000	862.500.000	172.500.000	100.000	31.000.000
66	52	Đường ĐS3	16	75,00	11.500.000	862.500.000	172.500.000	100.000	31.000.000
67	53	Đường ĐS3	16	75,00	11.500.000	862.500.000	172.500.000	100.000	31.000.000

1.4. Khu LK-12

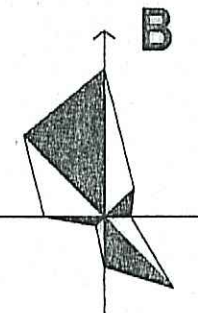
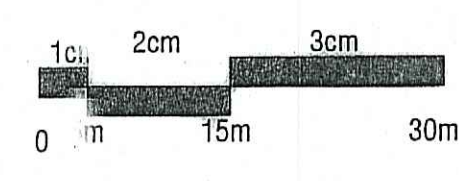
68	01 (Lô góc)	Đường ĐS4 và Đường ĐS12	16, 15	111,00	13.800.000	1.531.800.000	306.360.000	200.000	46.000.000
69	02	Đường ĐS12	15	85,00	11.500.000	977.500.000	195.500.000	100.000	35.000.000
70	03	Đường ĐS12	15	85,00	11.500.000	977.500.000	195.500.000	100.000	35.000.000
71	04	Đường ĐS12	15	85,00	11.500.000	977.500.000	195.500.000	100.000	35.000.000
72	05	Đường ĐS12	15	85,00	11.500.000	977.500.000	195.500.000	100.000	35.000.000
73	34	Đường ĐS4	16	85,00	11.500.000	977.500.000	195.500.000	100.000	35.000.000
74	35	Đường ĐS4	16	85,00	11.500.000	977.500.000	195.500.000	100.000	35.000.000
75	36	Đường ĐS4	16	85,00	11.500.000	977.500.000	195.500.000	100.000	35.000.000
76	37	Đường ĐS4	16	85,00	11.500.000	977.500.000	195.500.000	100.000	35.000.000
77	38	Đường ĐS4	16	85,00	11.500.000	977.500.000	195.500.000	100.000	35.000.000
78	39	Đường ĐS4	16	85,00	11.500.000	977.500.000	195.500.000	100.000	35.000.000
79	40	Đường ĐS4	16	85,00	11.500.000	977.500.000	195.500.000	100.000	35.000.000
80	41	Đường ĐS4	16	85,00	11.500.000	977.500.000	195.500.000	100.000	35.000.000
81	42	Đường ĐS4	16	85,00	11.500.000	977.500.000	195.500.000	100.000	35.000.000
82	43 (Giáp đường kỹ thuật)	Đường ĐS4	16	85,00	12.650.000	1.075.250.000	215.050.000	200.000	33.000.000
83	44 (Giáp đường kỹ thuật)	Đường ĐS4	16	85,00	12.650.000	1.075.250.000	215.050.000	200.000	33.000.000
84	45	Đường ĐS4	16	85,00	11.500.000	977.500.000	195.500.000	100.000	35.000.000
85	46	Đường ĐS4	16	85,00	11.500.000	977.500.000	195.500.000	100.000	35.000.000
86	47	Đường ĐS4	16	85,00	11.500.000	977.500.000	195.500.000	100.000	35.000.000
87	48	Đường ĐS4	16	85,00	11.500.000	977.500.000	195.500.000	100.000	35.000.000
88	49	Đường ĐS4	16	85,00	11.500.000	977.500.000	195.500.000	100.000	35.000.000
89	50	Đường ĐS4	16	85,00	11.500.000	977.500.000	195.500.000	100.000	35.000.000
90	51	Đường ĐS4	16	85,00	11.500.000	977.500.000	195.500.000	100.000	35.000.000
91	52	Đường ĐS4	16	85,00	11.500.000	977.500.000	195.500.000	100.000	35.000.000
92	53	Đường ĐS4	16	85,00	11.500.000	977.500.000	195.500.000	100.000	35.000.000
93	54	Đường ĐS4	16	85,00	11.500.000	977.500.000	195.500.000	100.000	35.000.000

2. Điểm dân cư thôn Bắc Nhạn Thấp

94	02 (Lô góc)	Đường QH ĐS1 và Đường QH ĐS2	14, 14	202,20	4.800.000	970.560.000	194.112.000	100.000	34.000.000
----	----------------	------------------------------------	--------	--------	-----------	-------------	-------------	---------	------------

STT	Lô đất (số)	Tên đường	Lộ giới (m)	Diện tích (m2)	Giá khởi điểm		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
					(đồng/m2)	(đồng/lô)			
95	03 (Lô góc)	Đường QH ĐS2 và Đường QH ĐS3	14, 9	197,10	4.800.000	946.080.000	189.216.000	100.000	34.000.000
Tổng cộng				8.228,10		93.218.590.000			





BẢNG KÊ TỌA ĐỘ GÓC RANH			
Số hiệu điểm	X	Y	Cạnh (m)
R1	1541249,57	590082,93	7,56
R2	1541242,62	590085,88	63,23
R3	1541247,97	590148,88	7,68
R4	1541252,79	590154,86	12,35
R5	1541263,37	590161,24	15,35
R6	1541269,33	590175,38	55,69
R7	1541278,94	590230,24	19,40
R8	1541269,41	590247,15	68,69
R9	1541275,95	590315,52	24,09
R10	1541275,98	590338,60	164,20
R11	1541111,78	590338,89	155,47
R12	1540981,78	590339,10	93,00
R13	1540826,32	590339,37	93,00
R14	1540826,32	590247,37	117,00
R15	1540826,32	590130,37	8,47
R16	1540832,31	590136,36	142,47
R17	1540974,78	590136,12	15,70
R18	1540984,39	590148,53	10,44
R19	1540994,82	590149,12	13,92
R20	1541008,30	590145,66	9,92
R21	1541018,19	590146,46	18,63
R22	1541036,82	590146,27	21,77
R23	1541036,88	590137,80	10,60
R24	1541067,47	590137,36	3,63
R25	1541067,16	590133,54	25,41
R26	1541092,56	590134,07	9,00
R27	1541100,91	590130,71	11,44
R28	1541112,34	590130,75	5,24
R29	1541112,19	590125,51	33,10
R30	1541144,86	590120,20	19,11
R31	1541163,97	590120,30	41,16
R32	1541204,82	590125,31	19,73
R33	1541224,22	590128,86	26,59
R34	1541223,82	590102,27	13,76
R35	1541223,35	590088,52	1,77
R36	1541222,10	590087,27	4,33
R37	1541222,10	590082,94	27,48
R1	1541249,57	590082,93	

Bảng thống kê quy hoạch sử dụng đất tổng			
Stt	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)
1	Đất ở đô thị (464 lô)	ODT	43.189,50
1.1	Đất ở liền kề (460 lô)	LK	42.782,20
1.2	Đất ở tại định cư (4 lô)	TDC	407,30
2	Đất hiện trạng chỉnh trang	HTCT	136,30
3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TIN	4.716,00
4	Đất cây xanh công cộng	DKV	5.015,20
4.1	Đất cây xanh, công viên, thể dục thể thao	CV-01	4.259,00
4.2	Đất cây xanh	CV-02	51,50
4.3	Đất cây xanh	CV-03	565,50
4.4	Đất cây xanh	CV-04	139,20
5	Đất công trình hạ tầng	DRA	512,80
6	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật	DGT	38.600,40
6.1	Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật	GTT	1.948,90
6.2	Đất giao thông và HTKT khác		36.651,50
Ranh giới quy hoạch			92.033,90
Ranh giới quy hoạch mặt bằng			90.237,10
Quy mô dân số			1.856 người

Bảng cân bằng quy hoạch sử dụng đất giai đoạn I			
Stt	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)
1	Đất ở đô thị (299 lô)	ODT	27.731,10
1.1	Đất ở liền kề (295 lô)	LK	27.731,10
1.2	Đất ở tại định cư (4 lô)	TDC	-
2	Đất hiện trạng chỉnh trang	HTCT	-
3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TIN	-
4	Đất cây xanh công cộng	DKV	4.259,00
4.1	Đất cây xanh, công viên, thể dục thể thao	CV-01	4.259,00
4.2	Đất cây xanh	CV-02	-
4.3	Đất cây xanh	CV-03	-
4.4	Đất cây xanh	CV-04	-
5	Đất công trình hạ tầng	DRA	-
6	Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật	DGT	20.721,70
6.1	Đất giao thông và HTKT khác	GTT	-
6.2	Đất giao thông và HTKT khác		20.721,70
Ranh giới quy hoạch giai đoạn I			52.711,80
Quy mô dân số			1.196 người

Bảng cân bằng quy hoạch sử dụng đất giai đoạn II			
Stt	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)
1	Đất ở đô thị (165 lô)	ODT	15.051,10
1.1	Đất ở liền kề (161 lô)	LK	15.051,10
1.2	Đất ở tại định cư (4 lô)	TDC	407,30
2	Đất hiện trạng chỉnh trang	HTCT	136,30
3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TIN	4.716,00
4	Đất cây xanh công cộng	DKV	756,20
4.1	Đất cây xanh, công viên, thể dục thể thao	CV-01	-
4.2	Đất cây xanh	CV-02	51,50
4.3	Đất cây xanh	CV-03	565,50
4.4	Đất cây xanh	CV-04	139,20
5	Đất công trình hạ tầng	DRA	512,80
6	Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật	DGT	18.662,50
6.1	Đất giao thông và HTKT khác	GTT	1.948,90
6.2	Đất giao thông và HTKT khác		16.713,60
Ranh giới quy hoạch giai đoạn II			39.322,10
Quy mô dân số			660 người

CHỈ THÍCH:

- 1. RANH GIỚI QUY HOẠCH
- 2. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 3. RANH GIỚI QUY ĐOẠN I
- 4. RANH GIỚI QUY ĐOẠN II
- 5. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 6. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 7. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 8. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 9. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 10. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 11. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 12. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 13. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 14. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 15. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 16. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 17. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 18. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 19. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 20. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 21. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 22. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 23. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 24. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 25. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 26. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 27. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 28. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 29. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 30. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 31. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 32. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 33. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 34. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 35. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 36. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 37. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 38. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 39. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 40. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 41. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 42. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 43. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 44. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 45. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 46. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 47. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 48. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 49. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 50. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 51. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 52. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 53. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 54. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 55. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 56. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 57. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 58. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 59. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 60. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 61. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 62. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 63. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 64. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 65. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 66. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 67. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 68. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 69. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 70. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 71. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 72. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 73. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 74. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 75. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 76. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 77. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 78. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 79. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 80. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 81. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 82. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 83. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 84. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 85. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 86. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 87. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 88. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 89. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 90. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 91. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 92. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 93. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 94. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 95. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 96. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 97. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 98. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 99. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG
- 100. RANH GIỚI QUY PHẠM MẶT BẰNG

CƠ QUAN PHÉ DUY: ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN
KEM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 123/QĐ-UBND NGÀY 28 THÁNG 01, NĂM 2022

CHỦ TỊCH: *Đo Thanh Tùng*

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ THỊ XÃ AN NHƠN
KEM THEO KẾT QUẢ TÁM ĐỊNH SỐ 01/2022 NGÀY 28 THÁNG 01, NĂM 2022

TRƯỞNG PHÒNG: *Nguyễn Đình Chương*

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯƠNG ĐÁP ĐÁ
KEM THEO TỜ TRÌNH SỐ 123/T.Đ. NGÀY 28 THÁNG 01, NĂM 2022

CHỦ TỊCH: *Nguyễn Đình Chương*

PHẠM VI QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500
Khu dân cư ĐÔNG BẮC THÀNH 3,
PHƯỜNG ĐÁP ĐÁ, THỊ XÃ AN NHƠN
ĐỊA ĐIỂM: THUỘC HƯỚNG ĐÁP ĐÁ - THỊ XÃ AN NHƠN - TỈNH BÌNH ĐỊNH.

TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ: QH-03; GHEP: 1x40; TỶ LỆ: 1/500; NGÀY: .../.../2022

THIẾT KẾ ĐOÀN: KTS. LÊ HOÀNG TIẾN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: KTS. PHẠM TRẦN HỮU HUY

CHỦ NHIỆM ĐOÀN: KTS. TRẦN HÀ ANH VŨ

QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. NGUYỄN XUÂN THANH

NGUYỄN ĐÌNH PHÚ
CHỦ ÁNH ĐỊNH - CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
PHƯƠNG VIỆT
ĐỊA CHỈ: 46B, TÔN THẤT TÙNG - TP. QUY NHƠN - TỈNH BÌNH ĐỊNH
Tel: 0935.644.734

KHU DÂN CƯ ĐÔNG BẮC THÀNH 3
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 ĐIỂM DÂN CƯ THUỘC THÔN BẮC NHẠM THẤP, XÃ NHƠN HẬU
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT
TỶ LỆ 1/500

* GIỚI CẠN:

- BẮC GIÁP : ĐƯỜNG BÊ TÔNG HIỆN TRẠNG.
- NAM GIÁP : ĐẤT NHÀ DÂN.
- ĐÔNG GIÁP : ĐƯỜNG BÊ TÔNG HIỆN TRẠNG.
- TÂY GIÁP : ĐƯỜNG BÊ TÔNG HIỆN TRẠNG.

* GHI CHÚ - KÝ HIỆU:

- SỐ THỨ TỰ LÔ ĐẤT
DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT

- DS1: KÝ HIỆU TÊN ĐƯỜNG
RANH GIỚI QUY HOẠCH
ĐẤT Ồ, QUY HOẠCH CHIA LÔ
ĐẤT GIAO THÔNG, HTKT
CAO ĐỘ THIẾT CỐT NỀN
TẠI TÌM ĐƯỜNG
CAO ĐỘ NỀN HIỆN TRẠNG

BẢNG THÔNG KÊ SỬ DỤNG ĐẤT				
STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (M2)	TỶ LỆ (%)	MẶT ĐỘ XÂY DỰNG
1	Đất ở quy hoạch	680,0	36,84	
	Lô số 1	135,6		76,4
	Lô số 2	202,2		69,8
	Lô số 3	197,1		70,3
	Lô số 4	145,1		75,5
2	Đất giao thông và HTKT	1166,0	63,16	
3	Tổng cộng	1846,0	100	

CHỖ QUAN PHÊ DUYỆT: CHỦ TỊCH
HUYỆN THỊ XÃ AN NHƠN
Đặng Vĩnh Sơn

CHỖ QUAN PHÊ DUYỆT: PHÓNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ THỊ XÃ AN NHƠN
Phạm Văn Sơn

CHỖ QUAN PHÊ DUYỆT: CHỦ TỊCH
HUYỆN THỊ XÃ AN NHƠN
Phạm Văn Sơn

QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 ĐIỂM DÂN CƯ THUỘC THÔN BẮC NHẠM THẤP, XÃ NHƠN HẬU
ĐỊA ĐIỂM: XÃ NHƠN HẬU, TX. AN NHƠN, T. BÌNH ĐỊNH

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ SỐ 01/2019: GHIẾP: 01/2019 TỶ LỆ: 1/500 NGÀY: 1/2019

CHỦ TRƯỞNG: *Phạm Văn Sơn*

THỰC HIỆN: CÔNG TY TNHH *Phạm Văn Sơn*

CHẤM ĐÓNG: THÁI HÒA *Phạm Văn Sơn*

CHỖ QUAN PHÊ DUYỆT: *Phạm Văn Sơn*

THÁI HÒA

ĐƠN VỊ: THÁI HÒA